

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành.
2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2019/TLST – HN.GĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thanh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 5, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang. Tạm trú: Ấp Q, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Thanh Ph, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 5, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà T có mặt, ông Ph vắng mặt lần thứ hai;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Thanh T trình bày:

Vào năm 1998, bà T và ông Ph được gia đình hai bên mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống cùng gia đình ông Ph tại phường Vĩnh Nguơn, thành phố

Châu Đốc, tỉnh An Giang. Đến ngày 26/12/2008 bà T và ông Ph đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn số 105/2008, cấp ngày 26/12/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông Ph ghen tuông vô cớ và hay hành hung đánh đập bà T. Vợ chồng không sống chung từ tháng 02/2017 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Ph.

Về con chung: Bà T khai quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Văn H sinh năm 2000 và Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 15/11/2008 hiện đang sống cùng với bà. Bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nh, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi ý kiến cháu Hồ Thị Yến Nh trình bày: Cháu là con ruột của bà Mai Thị Thanh T và ông Hồ Thanh Ph. Cháu đang sống cùng với mẹ và bà ngoại tại ấp Ph Quán, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hiện cháu đang học lớp 6, tại trường THCS Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hiện nay cha cháu đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thỉnh thoảng có liên lạc qua điện thoại và về thăm cháu. Mỗi lần cha về thăm cháu thì cha ở lại nhà của nội tại phường Vĩnh Nguơn. Nếu cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, do kể từ ngày cha mẹ cháu không sống cùng nhau thì cháu sống với mẹ. Mẹ vẫn chăm lo cho cháu tốt và cho cháu đi học đầy đủ.

Quá trình tố tụng, ông Hồ Thanh Ph không cung cấp lời khai, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Ph vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh ban khóm Vĩnh Chánh, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc cho biết ông Ph và bà T, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, khóm Vĩnh Chánh 1, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc. Hiện vợ chồng đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, về mâu thuẫn vợ chồng ban khóm không nắm rõ.

Bà Phạm Thị Bé cho biết: Bà là mẹ ruột của ông Ph, ông Ph sống cùng bà. Năm 1998 bà mai mối để Ph tìm hiểu bà T và tổ chức cưới, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn, vợ chồng có 02 con chung, do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng đến thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, thỉnh thoảng ông Ph về thăm bà vào những ngày lễ, giỗ hoặc khi bà bệnh. Thời gian vợ chồng sống cùng bà thì ông Ph thường uống rượu và luôn cãi vã với bà T. Ông Ph có liên lạc với bà qua

điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt và thông báo, giao lại cho ông Ph.

Tại phiên tòa,

- Bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Ph, yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung tên Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 15/11/2008, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con, riêng Hồ Văn H, sinh năm 2000 đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

- Hội đồng xét xử công bố ý kiến cháu Nh, kết quả xác minh.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ Nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự, kết quả xác minh thể hiện bà T và ông Ph đăng ký hộ khẩu thường trú và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn vào năm 2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nguyên đơn trình bày, kết quả xác minh là phù hợp nhau, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống xa cách thời gian dài, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung hiện đang sống cùng bà T, cháu H đã trưởng thành, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nh, sinh năm 2008 là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Căn cứ các điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ph và cả hai vẫn còn cư trú tại thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt hai lần không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Bà T và ông Ph qua mai mối rồi tìm hiểu nhau, được gia đình hai chấp nhận chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh ngươn, thành phố Châu Đốc, Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2008, ngày 26/12/2008 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà T yêu cầu xin ly hôn với ông Ph, với nguyên nhân trong thời gian chung sống ông Ph thường xuyên rượu chè, ghen tuông vô cớ, không quan tâm đến vợ con và vợ chồng đã đã sống xa cách thời gian dài; Lời khai của bà T phù hợp với kết quả xác minh bà Phạm Thị Bé (mẹ ruột ông Ph).

Vợ chồng có nghĩa vụ phải yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, chung sống với nhau, với nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo bà T trình bày và qua kết quả xác minh, cho thấy vợ chồng ông Ph có vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ph là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[2] Về con chung: Các cháu Hồ Văn H, sinh năm 2000 (đã trưởng thành), Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 15/11/2008 hiện đang sống cùng bà T. Cuộc sống các cháu đã ổn định, cháu Nh là con gái cần sự chăm sóc của mẹ, cháu có nguyện vọng sống cùng bà T, qua kiến của cháu Nh cho thấy bà T có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc các con chung, do đó đủ điều kiện để bà T được tiếp tục nuôi dạy cháu Nh. Xét chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp.

Ông Ph không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh T được ly hôn với ông Hồ Thanh Ph.

[2] Về con chung: Bà Mai Thị Thanh T tiếp tục nuôi dạy cháu Hồ Thị Yến Nh, sinh ngày 15/11/2008, ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Mai Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Hồ Thanh Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Mai Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2016/0008065 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ông Hồ Thanh Ph không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2008, ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà T có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Ph là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).
- UBND xã Long Kiến (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy